

Trường Lũy Quảng Ngãi

Bùi Thụy Đào Nguyên



Một đoạn Trường Lũy còn lại đến ngày nay

Trường Lũy Quảng Ngãi (gọi tắt là Trường Lũy), hay *Trường Lũy Quảng Ngãi-Bình Định, Tỉnh Man trường lũy* (gọi theo sử Nguyễn); đều là tên gọi của một công trình kiến trúc lớn, đa dạng, nhiều phần được làm bằng đá hoặc đất, chạy dọc theo miền thượng đạo Quảng Ngãi-Bình Định, bắt đầu từ huyện Trà Bồng (Quảng Ngãi) đến huyện An Lão (Bình Định) thuộc Việt Nam [1].

Theo nhiều nhà nghiên cứu gần đây, thì đây là một trường lũy dài nhất Đông Nam Á, và đã được các chúa Nguyễn cho khởi xây từ thế kỷ 17. Song, lúc bấy giờ chỉ là những đồn canh và đoạn lũy ngắn, phải đến sau 1819 (năm Lê Văn Duyệt xin dựng), thì nó mới thật sự trở thành một "trường lũy" có tầm vóc. Cho nên nói rằng Lê Văn Duyệt là người khởi công xây dựng Trường Lũy Quảng Ngãi như sử Nguyễn đã chép, xét cũng không có gì mâu thuẫn.

1. Nguyên nhân, năm khởi dựng:

Trước triều đại nhà Nguyễn, vì nhiều nguyên nhân, một số dân tộc ở Đá Vách (Quảng Ngãi, phần đông là tộc người H'rê) đã nổi lên chống đối triều đình. Tuy nhiên, việc chống đối này trở nên quyết liệt hơn kể từ khi vua Gia Long lên ngôi. Sách "Quốc triều sử toát yếu" (phần Chính biên) chép:

"Tháng 4 năm Quý Hợi (1803), Lê Văn Duyệt phá tan mọi Đá Vách. Ngải (Gia Long) hạ chiếu khen thưởng" [tr. 81]. Mặc dù vậy, vẫn không sao tiêu diệt được.

Sách "Đại cương lịch sử Việt Nam" (Quyển I) có đoạn:

... "Bị đàn áp, quân Vách Đá rút vào rừng, rồi tiếp tục hoạt động suốt thời Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị,...Nhiều binh tướng triều đình bị sát hại. Cho đến trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp, những cuộc đánh phá của người Đá Vách vẫn tiếp tục, buộc triều đình Tự Đức luôn luôn lo lắng" [tr. 462].

Để chặn đứng nguy cơ "bị uy hiếp, tràn lấn của ác man Đá Vách", năm Gia Long thứ 18 (1819), Tả quân Lê Văn Duyệt xin đắp "lũy Bình Man" (nay gọi là Trường Lũy Quảng Ngãi, vì phần lớn lũy nằm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) và được vua chấp thuận. Sách "Vũ Man tạp lục thư" (được khắc in năm 1898 dưới triều vua Thành Thái) của Tỉnh Man tiểu phủ sử Nguyễn Tấn, chép:

"Năm Gia Long thứ 18 (1819), Lê Văn Duyệt tâu xin xây Trường lũy, nam giáp ranh giới huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định; bắc giáp ranh giới huyện Hà Đông (thuộc phủ Tam Kỳ), tỉnh Quảng Nam. Dọc theo lũy có đào hào trồng tre, trước lũy là vùng Man, sau lũy có xây đồn"...

[Dẫn lại theo Việt Nam thế kỷ XIX (tr. 216-217)]

Tương tự, sách "Viêm Giao trung cổ ký" (Ghi chép sưu tập di tích cổ nước Nam) của Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục, hoàn thành năm 1900, chép:

Năm thứ 18 (1819), Chương Tả quân Lê Văn Duyệt đắp Trường lũy, trồng hàng rào, đào hào chắn [tr. 194].

Tuy nhiên, theo một số nhà nghiên cứu gần đây, thì Trường Lũy đã được các chúa Nguyễn cho khởi xây từ thế kỷ 17.

GS Phan Huy Lê nêu ý kiến:

Theo ghi chép của sử sách thì người xây dựng đầu tiên là tướng Lê Văn Duyệt, sau đó là tướng Nguyễn Tấn, hai người đều quê Quảng Ngãi. Như vậy thì sử chép Trường Lũy chỉ xây dựng trong thời Gia Long - Minh Mạng, nhưng kết quả khai quật đã cho thấy các lũy này được xây dựng vào thế kỷ 17. Các mảnh gốm tìm được có xuất xứ từ nước ngoài, rồi có cả gốm sứ ở Quảng Ngãi, gốm Bát Tràng, gốm phía Bắc. Điều này cho chúng ta thấy lịch sử của Trường Lũy này không chỉ có dưới thời nhà Nguyễn. Lũy này có lịch sử lâu dài, là kết quả của sự xây đắp và tu bổ qua nhiều đời [2].

Tin theo đây, thì Tả quân Lê Văn Duyệt chỉ là là người có công tu sửa và bồi đắp thêm lũy cổ, và công việc này về sau còn phải làm nhiều lần. Tra trong "Viêm Giao trưng cổ ký" thấy có đoạn:

Trải lâu năm lũy bị đổ nát, nhiều toán quân Man vượt quan lũy đến cướp bóc các làng dưới xuôi. Năm Tỵ Đức thứ 8 (1855), trùng tu Trường lũy [tr. 195].

Tra trong "Đại Nam thực lục" (Tập 28), cũng thấy có thông tin đại ý như sau:

Tháng 4 năm Bình Thìn (1856), "dân hơn 60 xã, thôn, trại, ấp ở ba huyện Bình Sơn, Chương Nghĩa (nay là Tư Nghĩa), Mộ Đức ủy người về kinh (Huế) kêu xin, vì tình hình khổ quá, (mà) phải đi đắp đê dài..., công việc quá nặng, khó gánh chịu nổi".

Tháng 3 năm sau (1857), bố chính Quảng Ngãi là Phạm Tĩnh lại tâu xin đắp "Trường lũy" một cách quy mô, tập trung ngót 2500 binh lính và huy động dân đinh ba huyện 3700 người. Tỵ Đức đồng ý, lại còn ra lệnh khẩn trương sửa đắp xong trong ba tháng [tr. 224 và 838]

2. Kích thước, địa thế, cấu tạo:

Trường Lũy Quảng Ngãi, các tài liệu ghi không thống nhất. Theo "Đại Nam thực lục" thì lũy có chiều dài là 117 dặm, còn sách "Viêm Giao trưng cổ ký" thì ghi là 177 dặm [3]. Sở dĩ có sự khác biệt này, có lẽ là do độ dài của Trường Lũy ở thời điểm được ghi chép. Song, trong các công bố gần đây, độ dài của công trình vẫn còn nhiều khác biệt:

- Sau nhiều năm nghiên cứu (2005-2010), tại Hội nghị thông báo khảo cổ học năm 2010 tại Hà Nội, đoàn khảo sát thuộc Trường Viễn Đông Bác cổ của Pháp, Viện Khảo cổ học (Hà Nội), đã cho biết độ dài của lũy từ Ba Tơ vào đến Bình Định là 300 km, riêng đoạn thành chạy trên đất Bình Định là 30 km.
- Theo bài viết "Sức hút kỳ lạ từ Trường Lũy" trên báo Pháp luật thì Trường Lũy chỉ dài 133 km.
- Theo TS. Nguyễn Tiến Đông (Viện Khảo cổ học Việt Nam), thì Trường lũy có chiều dài xấp xỉ 200 km.

Về mặt địa thế, lũy nằm theo con đường thượng đạo Bắc Nam, nơi từng là lộ trình cho các cuộc hành quân lịch sử thời xưa. Như vào năm 1786, khi quân Tây Sơn kéo từ Thị Nại ra đánh lấy Phú Xuân, họ đã dùng con đường thượng đạo này để di chuyển mà không bị cản trở như ở hạ nguồn vì nơi đó có những cửa sông lớn chắn lối.

Về cấu tạo, Trường Lũy đắp bằng đất và đá (to bằng đầu người), cao 2m, dày 1,5m, phía ngoài có hào sâu rộng trên 3m và một hàng rào tre gai. Khảo sát bờ Trường Lũy chạy qua La Vuông (Bình Định) còn khá nguyên vẹn, thì thấy lũy có dáng hình thang, chân rộng 4-5m, mặt thành 2-3m có thể đi lại tuần tra thuận tiện. Tuy đây là một ranh giới nhưng không phải là một ranh giới đóng kín. Lũy cắt ngang qua nhiều sông, suối. Mỗi chỗ cắt ngang lại có một cổng, do một đồn bảo canh gác điều hành việc đi lại giữa cộng đồng người Việt và người H'rê.

Song cái đáng chú ý của Trường Lũy không chỉ ở độ dài, mà còn vì công trình được đắp hoàn toàn trên một địa hình rất khó khăn và phức tạp, gần như theo địa hình, hướng thành không theo một hướng nào nhất định, khi thì trên đỉnh núi, khi thì sườn đồi, dọc theo suối. Phải là người uyên bác mới tính toán được vậy, và phải tốn biết bao công sức của bao thế hệ người Việt mới được vậy.

3. Lịch sử sơ lược:

Sách "Viêm Giao trưng cổ ký" của Tổng tài Quốc sử quán Cao Xuân Dục, đã kể về lịch sử của Trường Lũy như sau:

Trường lũy người Man ở cách tỉnh thành 23 dặm về phía tây. Phía bắc lũy giáp huyện Hà Đông (thuộc phủ Tam Kỳ) tỉnh Quảng Nam, phía nam giáp huyện Bồng Sơn tỉnh Bình Định. Lũy dài 177 dặm. Xét: Một dải dọc theo ranh giới xung quanh tỉnh thành trước nay thường có bọn ác man Thạch Bích ngang ngạnh hoành hành.

Hồi đầu dựng nước đã lập ra 6 đạo binh lính bảm sát địa phương để phòng thủ.

- Năm Gia Long thứ 3 (1804) lập ra 6 kiên cơ đạo Bình Man. Năm thứ 18 (1819), Chương Tả quân Lê Văn Duyệt đắp Trường lũy, trồng hàng rào, đào hào chắn. Bên trong thiết lập 115 đồn bảo, mỗi đồn đóng 18 lính, tổng cộng 1.150 người. Lại lấy các xã thôn thượng du của 3 huyện đặt làm 27 lân theo binh lính của 6 Kiên cơ tiến hành phòng thủ...Mỗi lân đặt ra chức Cai lân, Phó lân để cai quản.

- Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), đổi 6 Kiên cơ thành 6 cơ Tĩnh Man, xây thêm đồn bảo vệ, thành 117 đồn. Năm thứ 17 (1836), trích cơ thứ 6 ra lập thành vệ Nhất Quảng Ngãi, tùy theo tình hình địa bàn mà bổ sung thêm cho 5 cơ còn lại để tiện cho kế hoạch ứng phó. Năm thứ 20 (1830), chuyển giao cho Lãnh binh của tỉnh quản lãnh công việc này.
- Sang đời Thiệu Trị, cắt giảm số đồn xuống chỉ còn 56 đồn, số lính của 5 cơ là 2.150 người, mỗi cơ đặt ra một viên Chánh Quản cơ và một viên Phó Quản cơ, mỗi đồn đặt một viên Suất đội, đóng ở các cửa tấn để phòng thủ, tất cả do viên Lãnh binh cai quản chung.

Trải lâu năm lũy bị đổ nát, nhiều toán quân Man vượt quan lũy đến cướp bóc các làng dưới xuôi.

- Năm Tự Đức thứ 8 (1855), trùng tu Trường lũy. Năm thứ 9 (1856), chia đặt ra 80 đồn, bổ sung thêm binh lính thành 8 cơ, chia thành 3 ban, cứ 2 tháng thay phiên nhau một lần. Năm thứ 10 (1857), đặt chức Tuần phủ 1 viên, về sau lại bãi. Năm thứ 16 (1863), đặt chức Tiểu phủ 1 viên, Phó lãnh binh 1 viên để khi có xảy ra việc thì cùng bàn bạc với nhau mà giải quyết. Năm thứ 17 (1864), lại đổi 8 cơ thành 6 cơ, mỗi cơ 10 đội, lại kén tuyển lính chiến thành 1 vệ, vệ có 12 đội, chiêu mộ 5 đội Nghĩa Hùng, 2 đội Tĩnh Man, đặt 3 đồn lớn Tĩnh Man, còn các cơ đồn khác tùy xét mà cắt giảm. Những nơi xung yếu thì do binh lính của cơ đóng giữ, nơi dễ dàng hơn thì do dân của các lân canh giữ.
- Hiện nay chỉ còn 47 đồn nhỏ, 3 đồn lớn, tổng cộng 50 đồn [tr. 194-195.].

4. Vai trò của Trường Lũy đối với nhà Nguyễn:

Trường lũy xưa, triều Nguyễn xây dựng mang tính chất phòng vệ, song hiệu quả không cao, vì "*quân Đá Vách dùng lối đánh du kích ẩn hiện khó lường, mà quân triều từ nơi khác đến đóng giữ lâu ngày không quen thủy thổ*", và vì họ đều có "tài nghệ chiến đấu". Tướng Nguyễn Tấn trong "Vũ Man tạp lục thư", kể: *Người Man ở tỉnh tôi, tính tình hung hãn, đi đứng chạy nhảy lanh lẹ, đến như luồng điện sáng, đi tựa ánh chớp. Dựa vào nơi hiểm yếu, bắn tên phóng lao, đó là môn sở trường của họ vậy... Trước đây quan binh đã từng bị chúng đánh thua, và chẳng phải là một lần mà thôi* [tr. 219 và 220.].

Rút lại, theo GS. Nguyễn Phan Quang trong Việt Nam thế kỷ XIX, thì:

Trải qua các triều vua từ Gia Long đến Tự Đức, "lũy bình Man" liên tiếp được củng cố, đồn bảo trên lũy liên tiếp được sửa đắp, tăng cường, nhưng triều Nguyễn vẫn không sao đề bẹp được cuộc đấu tranh của các dân tộc Đá Vách. Ngay tác giả "Vũ Man tạp lục thư" cũng đã thú nhận sự bất lực của Trường lũy: "...Kế sách phòng bị quá chu đáo, chặt chẽ, không gì lọt qua được, tuy nhiên không có gì tốt hơn là giữ được (lòng) người vậy" [tr. 220].

5. Được trong và ngoài nước chú ý:

Ngày 27 tháng 3 năm 2011, đoàn đại sứ các nước Châu Âu gồm: Pháp, Ba Lan, Hungary, Anh, Hy Lạp, Romania và Trưởng phái đoàn EU tại Việt Nam Sean Doyle cùng các nhà khoa học nước ngoài cùng UBND tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức hội thảo "**Lịch sử quan hệ kinh tế và dân tộc**" về di tích quốc gia Trường Lũy Quảng Ngãi.

Tại hội thảo, tham luận của các nhà khoa học đều thống nhất rằng:

- Trường Lũy không những chỉ có nhiệm vụ bảo vệ an ninh và quản lý nội địa; mà còn tạo điều kiện cho giao thương, mua bán giữa đồng bào miền ngược và miền xuôi, giữa miền núi và miền biển.
- Công trình không chỉ có ý nghĩa lớn về giá trị kinh tế, văn hóa, xã hội, là đường ranh giới đảm bảo về sự ổn định và hòa bình, là nơi giao thương mà còn có giá trị lớn về mặt quân sự, là cơ sở để quản lý, tạo mối quan hệ hòa hợp, gắn kết giữa cộng đồng các dân tộc.

Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi đã thống nhất giữ nguyên hiện trạng Trường Lũy trên cơ sở lấy Trường Lũy làm tâm, dọc theo hai bên lũy 500m là khu vực di tích. Theo kỳ vọng của ngành chức năng, với di tích Trường Lũy, không chỉ là việc nghiên cứu mà còn tạo ra cơ hội về du lịch. Những cư dân sống dọc Trường Lũy sẽ có cơ hội về công ăn việc làm. Ngày 10 tháng 3 năm 2011, Trường Lũy Quảng Ngãi đã chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích cấp Quốc gia.

Bùi Thụy Đào Nguyên

Chú thích:

[1] Trường Lũy chạy dọc theo dãy Trường Sơn, đi qua địa phận 6 huyện thuộc Quảng Ngãi, gồm: Trà Bồng, Sơn Tịnh, Sơn Hà, Tư Nghĩa, Minh Long, Nghĩa Hành, Ba Tơ, Đức Phổ; và 2 huyện thuộc Bình Định, gồm: Hoài Nhơn, An Lão).

[2] Trích trong bài viết "Giải mã Trường lũy dài nhất Đông nam Á" trên báo Thể thao Văn hóa.

[3] nếu tính 1 dặm là 444,44m (số đo cổ được áp dụng thời Nguyễn) thì 117 dặm chỉ hơn 50 km. Nếu là 177 dặm thì chưa đầy 80 km.

Sách tham khảo:

-Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập 28 (bản dịch). Nhà xuất bản Sử học và Nhà xuất bản Khoa học xã hội hợp tác ấn hành, Hà Nội, 1962-1972.

-Quốc sử quán triều Nguyễn, Quốc triều sử toát yếu (phần Chính biên, bản dịch). Nhà xuất bản Văn học, 2002.

-Cao Xuân Dục, Viêm Giao trưng cổ ký (bản dịch). Nhà xuất bản thời đại, 2010.

-Trương Hữu Quýnh-Phan Đại Doãn-Nguyễn Cảnh Minh, Đại cương lịch sử Việt Nam (Tập I). Nhà xuất bản Giáo dục, 2007.

-Nguyễn Phan Quang, Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884). Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.